

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 04-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Vân Điệp

Bà Hoàng Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐ-TA ngày 30 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị D (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 28/2/1984 tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; chồng: Linh Văn H, sinh năm 1982; con: có 04 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 09/6/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

2. Lãng Văn G (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10/10/1973, tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 01/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lãng Văn K và bà Ngô Thị H (đều đã chết); vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1982; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành

chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 09/6/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

3. Triệu Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 17/5/1980 tại xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 3/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn G và bà Triệu Thị V (đều đã chết); vợ: La Thị B, sinh năm 1977; con: có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 30/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

4. Nông Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 18/3/1990 tại xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Đ, sinh năm 1970 và con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1971; vợ: Chu Thị V, sinh năm 1992; con: có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025, đến ngày 03/6/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

5. Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 14/4/1978 tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 3/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P (đã chết) và bà Chu Thị P, sinh năm 1948; vợ, con chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025, đến ngày 27/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

6. Nông Thị B (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 29/11/1982 tại xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) con bà Lăng Thị T, sinh năm 1947; chồng: Bành Văn H, sinh năm 1979; con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Đánh bạc, theo khoản 2, Điều 248 Bộ luật Hình sự tại Bản án số 01/2008/HSST ngày 7-8-9-10-11/01/2008. Đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025, đến ngày 30/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

7. Nông Đình L (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 23/11/1991 tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn*); nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Ngọc K, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1962; vợ: La Thị T, sinh năm 1999; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025, đến ngày 30/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

8. Phạm Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/4/1974 tại xã P, huyện G, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: S, xã P, huyện G, tỉnh Bình Dương; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Trần Thị T (đều đã chết); vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1986; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 30/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

9. Trần Thị B (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 15/8/1979 tại thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn*); đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Tân Thanh, xã Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc Nùng; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Minh (đã chết) và con bà Hoàng Thị Lịch sinh năm 1941; chồng: Nguyễn Chí Công, sinh năm 1986; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 03/6/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

10. Lý Văn T (Tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/9/1990 tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn*); Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn M, sinh năm 1964 và con bà Chu Thị B, sinh năm 1965; vợ: Triệu Nguyệt A, sinh năm 2002; con có 02 con, con lớn sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 30/5/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

11. Triệu Văn T Tên gọi khác: Không, sinh ngày 14/2/1991 tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn*); Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn:

lớp 7/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T và bà Vi Thị L (đều đã chết); vợ, con, chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tuyên phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ quy định tại khoản 2, Điều 202 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 12/2016/HSST ngày 25/11/2016. Đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2025, tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến ngày 03/6/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Linh Văn H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bành Văn H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Hoàng Trung L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Đỗ Thị T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chu Thị V, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 12/4/2025 Triệu Văn T gọi điện cho Nguyễn Thị D hỏi có biết có ai đánh bài, thì Nguyễn Thị D nói để hỏi đã. Sau đó Nguyễn Thị D gọi điện thoại cho Lãng Văn G nói có người rủ đánh bài, có biết chỗ nào chơi không, thì Lãng Văn G liền gọi điện thoại cho Triệu Văn T và hỏi mượn địa điểm để đánh bài. Sau khi được Triệu Văn T đồng ý thì Lãng Văn G, Nguyễn Thị D thông báo cho mọi người đến nhà Triệu Văn T để đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ ngày 13/4/2025, tổ công tác Công an xã Y, huyện V phát hiện, bắt quả tang tại nhà Triệu Văn T các đối tượng đang đánh bạc gồm: Lý Văn T, Nông Đình L, Lãng Văn G, Trần Thị B, Triệu Văn T, Nông Văn T, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị D, Nông Thị B và Phạm Văn T, các đối tượng đều khai nhận cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Thời điểm bắt đầu tham gia đánh bạc, các bị cáo có đem theo số tiền với mục đích đánh bạc như sau: Nguyễn Thị D có 4.500.000 đồng; Lãng Văn G có 1.400.000 đồng; Nông Văn T có 2.000.000 đồng; Hoàng Văn T có khoảng 9.000.000 đồng; Nông Thị B có 2.300.000 đồng; Nông Đình L có 2.300.000 đồng; Lý Văn T có 2.000.000 đồng; Trần Thị B có 1.000.000 đồng; Triệu Văn T có 200.000 đồng; Phạm Văn T có 1.200.000 đồng (trong đó Lãng Văn G cho vay 1.000.000 đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc tổng số tiền là 20.906.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài; 01 chiếu nhựa màu xanh - nâu, kích thước 2,0m x 1,6m; 01 chiếu cói màu đỏ - nâu, kích thước 2,0m x 1,5m; 01 tấm vải đệm màu nâu, kích thước 1,8m x 1,55m. Ngoài ra thu giữ trên người các đối tượng Hoàng Văn T, Lăng Văn G, Nông Văn T tổng số tiền 10.850.000 đồng. Các bị cáo đều khai nhận số tiền trên dùng vào mục đích để đánh bạc.

Thu giữ tại khu vực đánh bạc gồm: Thu giữ của Nông Đình L 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 12, màu đen, số IMEI1 863138076617244, số IMEI2 863138076617251; Thu giữ của Nông Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO I12S, màu đen, số IMEI1: 865652057004998, số IMEI2: 865652057004980 và 01 xe mô tô BKS 12Z1 - 057.88, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen, số máy: JA8E0388378, số khung: RLHJA38YQGY177904; Thu giữ của Phạm Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số IMEI1: 354650134667041, số IMEI2: 354650134667046; Thu giữ của Lý Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355696074930232; Thu giữ của Trần Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO V23E, màu đen, số IMEI1: 867253059799517, số IMEI2: 867253059799509; Thu giữ của Triệu Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số IMEI: 3533200776567838; Thu giữ của Lăng Văn G 01 điện thoại di động, loại máy bàn phím bấm, nhãn hiệu Masstel, màu đen; 01 xe mô tô BKS 12T1-7629, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen đỏ; Thu giữ của Nông Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu xanh, số IMEI1: 353722795617879, số IMEI2: 353722795617871; 01 xe mô tô BKS 12UA - 036.16, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen, số máy: JK14E0430760, số khung: RLHJK1405RZ241978; Thu giữ của Nguyễn Thị D 01 xe mô tô BKS 12K7 - 0216, nhãn hiệu Honda wave, màu sơn đỏ - bạc, số máy: HC12E1640232, số khung: RLHHC12069Y084739; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7 Z, màu đen, số IMEI1: 869447053896950, số IMEI2: 869447053896943; Thu giữ của Hoàng Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh dương, số IMEI1: 861428051063916, số IMEI2: 861428051063908; 01 xe mô tô BKS 12K4 - 1254, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ, số máy: 5C63004346, số khung: RLCS5C6307Y004346.

Tại Kết luận giám định số 377/KL-KTHS ngày 12/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“Toàn bộ số tiền Việt Nam tổng cộng 31.756.000 đồng được niêm phong trong 04 phong bì gửi giám định đều là tiền thật”*.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 12/4/2025 Triệu Văn T gọi điện cho Nguyễn Thị D nói chuyện và hỏi *“tôi nay chị biết có ai đánh bài không”*, thì Nguyễn Thị D trả lời *“không biết, để chị hỏi đã”*. Ngay sau đó Nguyễn Thị D gọi điện thoại cho Lăng Văn G nói *“có mấy anh gọi điện rủ đánh bài đấy, ông biết chỗ nào chơi không”* thì Lăng Văn G trả lời *“để hỏi đã”*, sau đó Lăng Văn G liền gọi

điện thoại cho Triệu Văn T và hỏi “*cho mượn nhà bên cạnh để chơi bài được không*”, Triệu Văn T mặc dù biết Lăng Văn G sẽ rủ mọi người lên đánh bạc nhưng vẫn trả lời “*chơi thì chơi*” (ngôi nhà này là nhà của bố, mẹ đẻ của Triệu Văn T đã chết, Triệu Văn T là người thừa kế, hàng ngày Triệu Văn T sinh sống ở ngôi nhà riêng khác cách đó khoảng 20 mét, ngôi nhà này để làm nhà kho, hàng ngày qua lại quét dọn thường xuyên). Sau khi mượn được địa điểm để đánh bạc thì Lăng Văn G gọi điện thoại lại cho Nguyễn Thị D để thông báo địa điểm tổ chức đánh bạc. Sau đó Nguyễn Thị D gọi điện lại cho Triệu Văn T nói là “*đi vào Chợ Bãi đánh*”, Triệu Văn T sau khi nghe điện thoại của Nguyễn Thị D thì gọi điện cho Lý Văn T rủ đi đánh bạc, khi Lý Văn T đồng ý thì Triệu Văn T gọi 01 xe taxi biển kiểm soát 12A-20974 do Hoàng Đức M điều khiển đến đón Lý Văn T trước, khi đi đến phố T, thị trấn V thì gặp Trần Thị B đang ở ngoài sân thì Triệu Văn T rủ Trần Thị B đi cùng đánh bạc, cả 2 lên xe và đi đón Triệu Văn T rồi cùng nhau đi đến xã y. Trên đường đi Triệu Văn T gọi lại cho Nguyễn Thị D hỏi “*em xuống chỗ nào*” thì Nguyễn Thị D trả lời “*xuống chỗ cổng trường Yên Phúc*”, Triệu Văn T nói tiếp “*chị gọi ai đón em với*”, Nguyễn Thị D hỏi lại “*có mấy người*” thì Triệu Văn T trả lời “*có ba người*”. Nguyễn Thị D đồng ý đi đón, trên đường đi đón nhóm của Triệu Văn T, Nguyễn Thị D mua sẵn 01 cây bài gồm có 10 bộ bài tú lơ khơ để phục vụ việc đánh bạc. Khi nhóm của Triệu Văn T đến cổng trường Trung học cơ sở xã y, huyện v, xe không thể chở được 3 người nên Nguyễn Thị D gọi điện cho Lăng Văn G lấy xe máy xuống để cùng đón nhóm người của Triệu Văn T, lúc này Lăng Văn G đã đến nhà của Triệu Văn T trước đang ngồi chơi uống nước tại đây, sau khi nghe cuộc gọi của Nguyễn Thị D, Lăng Văn G đã đi xe mô tô biển kiểm soát 12T1-7629 (xe của gia đình) đi đến cổng trường cấp 2 xã Y đón Lý Văn T và Triệu Văn T chở về nhà của mình cất xe mô tô rồi dẫn 2 người đi bộ lên nhà mẹ đẻ của Triệu Văn T, Nguyễn Thị D cũng đi xe mô tô 12K7 - 0216 (xe của gia đình) đến chở Trần Thị B đến thẳng nơi đánh bạc.

Trước lúc đó, Nguyễn Thị D có gọi điện thoại cho Nông Văn T và Hoàng Văn T để rủ đánh bạc, nhưng Nông Văn T bận chưa lên ngay, chỉ có Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12K4-1254 (xe của em trai là Hoàng Trung L) đến địa điểm đánh bạc. Khi lên đến nhà mẹ đẻ của Triệu Văn T thấy có 02 chiếc chiếu cũ trên nền nhà nên Nguyễn Thị D, Lý Văn T lấy chiếu trải ra giữa nhà, Nguyễn Thị D lấy ra một bộ bài ra và chia bài để đánh bạc bằng hình thức đánh “*Liêng*”, 09 bộ bài còn lại để trong nhà gần khu ngồi đánh bạc. Thời điểm bắt đầu đánh bạc là khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12/4/2025, có Lăng Văn G, Nguyễn Thị D, Lý Văn T, Trần Thị B, Hoàng Văn T, Triệu Văn T, một lúc sau Triệu Văn T đi sang nhà thắp hương và có ngồi xem những người này đánh bạc khoảng 05 phút nhưng không tham gia đánh rồi đi về nhà ngủ. Trong lúc đang đánh bạc thì có Nông Thị B gọi điện cho Nguyễn Thị D nói chuyện thì Nguyễn Thị D nói đang đánh bạc trên nhà Triệu Văn T và bảo Nông Thị B “*lên thì lên*”, lúc này *Phạm Văn T đang ngồi tại nhà của* Nông Thị B, nghe thấy Nguyễn Thị D và Nông Thị B nói chuyện nên Phạm Văn T xin đi cùng. Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12Z1 - 057.88 (xe của gia đình Nông Thị B) đi lên nơi đánh bạc, khi lên đến thì thấy 6 người đang đánh, Nông Thị B có vào ngồi đánh

cùng, còn Phạm Văn T do buồn ngủ nên đi ngủ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút Lăng Văn G cho Phạm Văn T mượn số tiền 1.000.000 đồng để chơi nhưng Phạm Văn T chưa đánh, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày có Nông Đình L và Nông Văn T đến tham gia cùng, đến khoảng 00 giờ ngày 13/4/2025 Triệu Văn T thua hết tiền nên đi ra ngồi ngoài xem, lúc này Phạm Văn T mới vào cùng đánh. Mọi người ngồi đánh bạc đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 13/4/2025 thì bị Công an xã Yên Phúc bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 20.906.000 đồng. Thu trên người các bị cáo số tiền 10.850.000 đồng, trong đó Hoàng Văn T 2.400.000 đồng, của Lăng Văn G 280.000 đồng, của Nông Văn T 8.170.000 đồng.

Hình thức đánh như sau: Dùng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, người nào thắng ván trước sẽ là người chia bài cho ván sau, mỗi người có 03 quân bài, mỗi ván quy định mỗi người vào gà 20.000 đồng, sau khi chia bài xong mọi người lên bài, người vừa thắng ván trước là người được quyền tổ đầu tiên, sau đó đến lượt những người khác được quyền tổ theo vòng ngược chiều kim đồng hồ, người nào không tổ sẽ chấp nhận thua và mất số tiền đã vào gà, người ngồi cạnh bên phải sẽ được quyền tổ, khi mở bài ra giữa người tổ và người bị tổ bài ai lớn hơn sẽ là người thắng và được người thua trả cho số tiền đã tổ, số tiền gà ai là người có bài theo tổ, khi mở bài to nhất thì người đó sẽ được hưởng, những người trước đó bỏ không theo tổ thì cho dù bài có lớn hơn cũng không được hưởng. Mỗi ván tổ từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng, trong trường hợp bài của ai có liêng ba hoa (tức là có ba quân bài liền kề nhau cùng chất, ví dụ: 5-6-7) thì những người chơi phải trả thêm cho người thắng 10.000 đồng, trong trường hợp bài có sấp (tức là có ba quân bài trùng số, ví dụ: 3-3-3) thì những người chơi phải trả thêm cho người thắng 20.000 đồng. Tất cả những người chơi thống nhất với nhau ai được thắng ván “Liêng” thì bỏ ra 5.000 đồng, thắng ván “Sấp” thì bỏ ra 10.000 đồng, số tiền này sẽ được để riêng cho chủ nhà là Triệu Văn T khi kết thúc việc đánh bạc, tuy nhiên Triệu Văn T không được biết việc này và cũng chưa được nhận khoản tiền nào.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSVQ, ngày 29/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Triệu Văn T về tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Lý Văn T, Hoàng Văn T, Nông Đình L, Trần Thị B, Triệu Văn T, Nông Văn T, Nông Thị B, Phạm Văn T về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Những người liên quan Linh Văn H khai: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12K7-0216 là xe của ông mua về để gia đình sử dụng, giấy Đăng ký xe mô tô mang tên Linh Văn H. Tối 12/4/2025 ông không ở nhà, vợ ông là Nguyễn Thị D điều khiển xe mô tô của ông đi đánh bạc, bị Công an bắt quả tang. Vợ ông mang xe đi đánh bạc ông không biết. Nay ông yêu cầu trả lại chiếc xe cho gia đình

Bành Văn H khai: Gia đình ông có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12Z1-05788 do ông và vợ là Nông Thị B đi mua về để sử dụng làm phương tiện đi lại

trong gia đình. Chiếc xe này hiện nay vẫn mang tên chủ cũ là Triệu Văn Ngân, địa chỉ: Khe Sân, xã Thái Bình, Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 12/4/2025 vợ ông là Nông Thị B lấy xe mô tô đi đến nơi đánh bạc nhưng ông không biết. Đến sáng 13/4/2025 ông mới biết vợ ông bị Công an bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại nhà ông Triệu Văn T. Việc vợ ông lấy xe đi đánh bạc ông không biết, chiếc xe là phương tiện duy nhất của gia đình, là tài sản chung của vợ chồng, nay ông yêu cầu trả lại chiếc xe cho gia đình

Hoàng Trung L khai: Anh và bị cáo Hoàng Văn T là 2 anh em. Anh có xe mô tô biển kiểm soát 12K4-1254 do anh đứng tên đăng ký. Ngày 12/4/2025 anh để xe ở nhà và đi làm, treo chìa khóa trên vách tường nhà. Đến tối về không thấy Hoàng Văn T đâu. Đến sáng 13/4/2025 anh biết tin Hoàng Văn T mang xe của anh đi đánh bạc và bị Công an bắt. Việc Hoàng Văn T đem xe đi đánh bạc anh không biết, nay anh yêu cầu trả lại chiếc xe trên.

Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra khai: Chị là vợ của bị cáo Lãng Văn G, chiếc mô tô biển kiểm soát 12T1-7629 thu giữ của bị cáo Lãng Văn G là tài sản chung của gia đình, chiếc xe trên là do chị Đỗ Thị T tích góp tiền để mua lại về để phục vụ sinh hoạt chung của gia đình, bị cáo Lãng Văn G sử dụng xe đi đón Triệu Văn T và Lý Văn T chị Đỗ Thị T không biết, nay đề nghị trả lại chiếc xe cho gia đình.

Chu Thị V khai: Chị là vợ của bị cáo Nông Văn T. Gia đình chị có xe mô tô biển kiểm soát 12UA-03616 đăng ký mang tên Chu Thị V, xe do chị mua về làm phương tiện đi lại của gia đình. Tối 12/4/2025 chồng chị là Nông Văn T đem xe đi đánh bạc chị không biết, nay chị yêu cầu trả lại chiếc xe trên.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Lãng Văn G phạm tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bị cáo Triệu Văn T phạm tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tuyên các bị cáo Lý Văn T, Hoàng Văn T, Trần Thị B, Nông Đình L, Nông Văn T, Phạm Văn T, Nông Thị B, Triệu Văn T phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 322; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 55, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị D, Lãng Văn G.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt đối với bị

cáo từ 20 tháng tháng đến 25 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam là 01 tháng 28 ngày.

+ Xử phạt bị cáo Lăng Văn G từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo từ 19 tháng tháng đến 24 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam là 01 tháng 28 ngày.

- Áp dụng điểm c, khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị B, Triệu Văn T.

+ Xử phạt bị cáo Nông Thị B từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Nông Đình L, Lý Văn T:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nông Đình L từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ. Được trừ đi số ngày bị tạm giam là 47 ngày tương ứng với 141 ngày Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị B từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G mỗi bị cáo từ 20 triệu đến 25 triệu. Phạt tiền các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Triệu Văn T, Nông Thị B mỗi người từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ; phạt các bị cáo Triệu Văn T, Nông Đình L, Phạm Văn T, Lý Văn T

từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị B do đã áp dụng là hình phạt chính.

Về vật chứng vụ án đề nghị: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 20.906.000 đồng thu trên chiếu bạc; 280.000 đồng thu giữ của Lăng Văn G; 8.170.000 đồng thu giữ của Nông Văn T; 2.400.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn T.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếu nhựa màu xanh - nâu, kích thước 2,0m x 1,6m; 01 chiếu cói màu đỏ - nâu, kích thước 2,0m x 1,5m; 01 tấm vải đệm màu nâu, kích thước 1,8m x 1,55m.

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước của bị cáo Nông Đình L 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 12, màu đen, số IMEI1: 863138076617244, số IMEI2: 863138076617251; Của bị cáo Nông Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO I12S, màu đen, số IMEI1: 865652057004998, số IMEI2: 865652057004980. Của bị cáo Lý Văn T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355696074930232; Của bị cáo Triệu Văn T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số IMEI: 3533200776567838. Của bị cáo Lăng Văn G 01 điện thoại di động, loại máy bàn phím bấm, nhãn hiệu Masstel, màu đen; Của bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu xanh, số IMEI1: 353722795617879, số IMEI2: 353722795617871; Của bị cáo Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7 Z, màu đen, số IMEI1: 869447053896950, số IMEI2: 869447053896943; Của bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh dương, số IMEI1: 861428051063916, số IMEI2: 861428051063908. Đều được dùng liên lạc cho việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO V23E, màu đen, số IMEI1: 867253059799517, số IMEI2: 867253059799509; bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số IMEI1: 354650134667041, số IMEI2: 354650134667046. Trả lại cho ông Bành Văn H (chồng bị cáo Nông Thị B) 01 xe mô tô BKS 12Z1 - 057.88, nhãn hiệu Honda, màu sơn: xanh đen, số máy: JA8E0388378, số khung: RLHJA38YQGY177904. Trả lại cho bà Đỗ Thị T (vợ bị cáo Lăng Văn G) 01 xe mô tô BKS 12T1-7629, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen đỏ, số máy: JK14E0430760, số khung: 4329BY34227. Trả lại cho bà Chu Thị V (vợ bị cáo Nông Văn T) 01 xe mô tô BKS 12UA - 036.16, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen, số máy: JK14E0430760, số khung: RLHJK1405RZ241978. Trả lại cho Linh Văn H (chồng của bị cáo Nguyễn Thị D) 01 xe mô tô BKS 12K7 - 0216, nhãn hiệu Honda wave, màu sơn đỏ - bạc, số máy: HC12E1640232, số khung: RLHHC12069Y084739; Trả lại cho Hoàng Trung L (em trai của Hoàng Văn T) 01 xe mô tô BKS 12K4 - 1254, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ, số máy: 5C63004346, số khung: RLCS5C6307Y004346.

Về án phí: Các bị cáo Lăng Văn G, Triệu Văn T, Trần Thị B, Lý Văn T, Nông Đình L, Nông Văn T, Phạm Văn T, Nông Thị B phải chịu án phí hình sự sơ

thảm mỗi bị cáo 200.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Thị D, Triệu Văn T thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tranh luận: Bị cáo Nguyễn Thị D trình bày hiện nay bị cáo là lao động chính, con còn nhỏ, từ năm 2021 chồng bị cáo bệnh nặng không lao động được, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo. Các bị cáo Lăng Văn G, Triệu Văn T, Nông Văn T, Hoàng Văn T, Nông Thị B, Nông Đình L, Phạm Văn T, Trần Thị B, Lý Văn T, Triệu Văn T không có ý kiến tranh luận. Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị D mức đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo đã cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị cho bị cáo được hưởng hình phạt đầu khung điều luật quy định, do vậy Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thị D xin cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với các con. Các bị cáo Lăng Văn G, Triệu Văn T, Nông Văn T, Hoàng Văn T, Nông Thị B, Nông Đình L, Phạm Văn T, Trần Thị B, Lý Văn T, Triệu Văn T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần 2, có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị T theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị D và các bị cáo khác đều khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi của các bị cáo, do đó có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày 12/4/2025 đến 01 giờ 15 phút ngày 13/4/2025, tại nhà của Triệu Văn T, các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G đã cùng Lý Văn T, Hoàng Văn T, Nông Đình L, Trần Thị B, Triệu Văn T, Nông Văn T, Nông Thị B, Phạm Văn T đánh bạc trái phép được, thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”. Tổng số tiền các bị cáo khai nhận dùng vào việc đánh bạc là 31.756.000 đồng, trong đó thu trên chiếu bạc 20.906.000 đồng, thu trên người các bị cáo Hoàng Văn T, Lăng Văn G, Nông

Văn T 10.850.000 đồng. Các bị cáo đều khai nhận số tiền trên là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, bị nhân dân lên án và bị pháp luật nghiêm cấm, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa tệ nạn cờ bạc gây thiệt hại về kinh tế và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị D, Lãng Văn G đã cùng nhau tìm địa điểm, đưa đón người đến nơi đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị D chuẩn bị công cụ là bộ bài tú lơ khơ; bị cáo Triệu Văn T biết được bị cáo Lãng Văn G mượn nhà của mình để rủ mọi người lên đánh bạc nhưng vẫn cho bị cáo Lãng Văn G mượn địa điểm, do vậy cả ba bị cáo là đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc. Bản thân bị cáo Nguyễn Thị D, Lãng Văn G và các bị cáo khác tham gia đánh bạc với vai trò là đồng phạm giản đơn, do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công vai trò thực hiện tội phạm đối với từng bị cáo, trong quá trình đánh bạc các bị cáo không ai được trả tiền công, không thu tiền hồ, do đó các bị cáo cùng phạm tội Đánh bạc. Để cá thể hóa hình phạt và áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, mức độ tham gia tội phạm và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[4.1] Nguyễn Thị D có vai trò tích cực nhất so với các bị cáo khác thời điểm Triệu Văn T gọi điện hỏi có biết chỗ nào đánh bạc không mặc dù Nguyễn Thị D đang ở nhà nhưng đã chủ động hỏi Lãng Văn G hỏi tìm địa điểm đánh bạc, sau khi được Lãng Văn G thông báo có địa điểm đánh bạc Nguyễn Thị D trực tiếp gọi điện cho Triệu Văn T thông báo địa điểm. Chủ động chuẩn bị cây bài tú lơ khơ, sử dụng xe mô tô của gia đình đón Trần Thị B, gọi điện cho bị cáo Lãng Văn G đi xe mô tô ra đón Triệu Văn T và Lý Văn T chở vào địa điểm đánh bạc, trải chiếu, trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 4.500.000 đồng, rủ thêm Nông Văn T, Hoàng Văn T đến đánh bạc, trong khi đang đánh có Nông Thị B gọi điện đến thì bị cáo nói với Nông Thị B là đang đánh bạc, lên thì lên, bị cáo được luân phiên cầm cái và tham gia đánh từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang Nguyễn Thị D đang thua.

[4.2] Lãng Văn G cũng có vai trò tích cực, giúp sức cho Nguyễn Thị D hỏi Triệu Văn T mượn địa điểm, sau khi có địa điểm Lãng Văn G thông báo cho Nguyễn Thị D, đồng thời dùng xe mô tô của gia đình đi đón Lý Văn T, Triệu Văn T đưa đến nơi đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.400.000 đồng, trực tiếp luân phiên cầm cái và tham gia đánh từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Trong quá trình đánh cho Phạm Văn T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc. Thời điểm đánh vừa thắng, vừa thua, khi bị bắt thu trong người của bị cáo Lãng Văn G 280.000 đồng, mục đích dùng để đánh bạc.

[4.3] Triệu Văn T: Khi Lăng Văn G hỏi mượn địa điểm để đánh bạc, bản thân Triệu Văn T biết rõ Lăng Văn G mượn nhà để rủ mọi người đến đánh bạc nhưng Triệu Văn T vẫn đồng ý. Trong quá trình các đối tượng đánh bạc Triệu Văn T có sang ngồi xem nhưng không tham gia đánh. Bị cáo không được thu tiền hồ, không yêu cầu các đối tượng trả tiền cho mình sau khi chiếu bạc kết thúc, không cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc, do đó Triệu Văn T đồng phạm với Lăng Văn G về tội tổ chức đánh bạc với vai trò giúp sức.

[4.4] Hoàng Văn T sau khi được Nguyễn Thị D gọi điện rủ đánh bạc, bị cáo đã chủ động tự điều khiển xe mô tô đi đến địa điểm đánh bạc. Khi đi bị cáo đem theo số tiền 9.000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh có ván thắng, ván thua. Luân phiên cầm cái cho đến khi bị bắt. Thời điểm bị bắt bị cáo đang thua, trên người bị cáo còn 2.400.000 đồng là tiền đánh bạc.

[4.5] Nông Văn T có vai trò tích cực tham gia đánh bạc, sau khi được Nguyễn Thị D gọi điện rủ đánh bạc, bị cáo gọi điện rủ thêm Nông Đình L cùng đi đánh bạc. Bị cáo có 2.000.000 đồng đem theo mục đích để đánh bạc. Luân phiên cầm cái đánh bạc cho đến khi bị bắt. Trong quá trình đánh bị cáo thắng được số tiền 6.170.000 đồng. Thời điểm bắt quả tang trên người có tổng số tiền 8.170.000 đồng là tiền đánh bạc và tiền thắng bạc.

[4.6] Nông Đình L tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, có 2.300.000 đồng dùng để đánh bạc. Luân phiên cầm cái đánh cho đến khi bị bắt. Trong quá trình đánh thắng 700.000 đồng. Thời điểm bị bắt quả tang trên chiếu bạc trước mặt bị cáo có 3.000.000 đồng là tiền đánh bạc và tiền thắng bạc.

[4.7] Nông Thị B tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, có 2.300.000 đồng dùng để đánh bạc. Rủ thêm Phạm Văn T cùng đi đánh, luân phiên cầm cái đánh bạc cho đến khi bị bắt. Trong quá trình đánh thua, thời điểm bị bắt quả tang trên chiếu bạc trước mặt bị cáo còn 400.000 đồng là tiền đánh bạc.

[4.8] Phạm Văn T: Bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, có 80.000 đồng đem theo mục đích để đánh bạc, sau đó có mượn Lăng Văn G 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi đến địa điểm đánh bạc bị cáo chưa đánh mà đi ngủ. Sau khi thấy Triệu Văn T đánh thua, không đánh nữa thì Phạm Văn T mới tham gia đánh. Luân phiên cầm cái đánh bạc cho đến khi bị bắt. Trong quá trình đánh thua, thời điểm bị bắt bị cáo còn 300.000 đồng để trên chiếu bạc là tiền đánh bạc.

[4.9] Trần Thị B tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, khi được Lý Văn T rủ đi đánh bạc bị cáo mang theo 1.000.000 đồng mục đích để đánh bạc. Luân phiên cầm cái cho đến khi bị bắt. Thời điểm bị bắt quả tang bị cáo đánh thua, trên chiếu bạc trước mặt bị cáo còn 800.000 đồng là tiền đánh bạc.

[4.10] Lý Văn T tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, rủ bị cáo Trần Thị B đi đánh bạc, có số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Trong quá trình đánh được luân phiên cầm cái đánh bạc cho đến khi bị bắt. Thời điểm bị bắt còn 1.000.000 đồng để trên chiếu bạc trước mặt bị cáo là tiền đánh bạc.

[4.11] Bị cáo Triệu Văn T: Bị cáo chính là người người gọi điện cho Nguyễn Thị D để hỏi xem có biết chỗ nào đánh bạc không, từ đó Nguyễn Thị D mới nảy sinh ý định cùng Lãng Văn G tổ chức đánh bạc. Bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, có 200.000 đồng để đánh bạc, trong quá trình đánh được luân phiên cầm cái, đánh được một lúc thì thua hết tiền, bị cáo ngồi xem cho đến khi bị bắt.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị D chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, được áp dụng theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Bị cáo ủng hộ quỹ “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” tại địa phương 500.000 đồng, thuộc hộ cận nghèo, ngoài ra bị cáo trình độ văn hóa lớp 5/12 nhận thức pháp luật còn hạn chế, cũng là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lãng Văn G chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật, bị cáo thành khẩn khai báo được áp dụng theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Cá nhân ủng hộ quỹ “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” tại địa phương 500.000 đồng, có trình độ văn hóa lớp 1/12, nhận thức pháp luật còn hạn chế, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Triệu Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo thành khẩn khai báo được áp dụng theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Gia đình thờ cúng liệt sỹ Triệu Văn M, cá nhân ủng hộ quỹ “Xóa nhà tạm nhà dột nát” tại địa phương 500.000 đồng, trình độ văn hóa lớp 3/12 nhận thức pháp luật còn hạn chế, là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, được áp dụng theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo trình độ văn hóa lớp 3/12 nhận thức pháp luật còn hạn chế, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Thị B: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Đánh bạc theo khoản 2, Điều 248 Bộ luật Hình sự tại Bản án số 01/2008/HSST ngày 7-8-9-10-11/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và hình phạt bổ sung và được xóa án tích. Bị cáo thành khẩn khai báo được áp dụng theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Có bố đẻ là ông Nông Văn Coong và mẹ là bà Lãng Thị Từ đều được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, cá nhân ủng hộ quỹ “Xóa nhà tạm nhà dột nát” tại địa phương 500.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Đình L chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn

khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị B chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lý Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Triệu Văn T năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 12/2016/HSST ngày 25/11/2016, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cá nhân ủng hộ địa phương nhân dịp tổ chức “Lễ hội Hồi gắn với kỷ niệm 115 năm ngày sinh đồng chí Lương Văn Tri” số tiền 500.000 đồng, thuộc hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên thấy rằng các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do hám lời nên các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội, số tiền phạm tội trong vụ án là 31.756.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử lên một mức án phù hợp đối với từng bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời để các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo đã nhận thức được sai lầm của bản thân, thành khẩn khai báo, vì vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với từng người phạm tội. Cụ thể như sau:

[7] Bị cáo Nguyễn Thị D và Lăng Văn G sẽ áp dụng hình phạt tù với lý do các bị cáo là người tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc, có vai trò tích cực luân phiên cầm cái và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, số tiền bị cáo Nguyễn Thị D dùng để đánh bạc là 4.500.000 đồng, số tiền bị cáo Lăng Văn G có 1.400.000 đồng, ngoài ra bị cáo Lăng Văn G còn cho bị cáo Phạm Văn T vay 1.000.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền thu trên chiếu bạc và trên người của các bị cáo là 31.756.000 đồng, nên thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đều có một tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng do vậy Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về hòa nhập cộng đồng, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Các bị cáo đều phạm hai tội là Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G.

[8] Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Nông Đình L, Lý Văn T bởi các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Hoàng Văn T còn có thêm một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Triệu Văn T có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Các bị cáo nêu trên đều có nhân thân tốt, là người bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo Nông Thị B, Triệu Văn T đều có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, là người bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nơi cư trú rõ ràng, do vậy căn cứ Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử thấy cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội do đó không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[9] Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn T, bởi bị cáo tham gia đánh bạc với mức độ ít nghiêm trọng, có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật, chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng tại địa phương trong thời gian cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời hạn đã bị tạm giam theo quy định.

[10] Đối với bị cáo Trần Thị B hiện nay có chồng là Nguyễn Chí C đang đi cai nghiện, bị cáo là có 02 con nhỏ (sinh năm 2010 và 2019) và mẹ là Hoàng Thị L đã cao tuổi (sinh năm 1941), bị cáo là lao động chính. Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc ngày 10/6/2025 cho thấy bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có cửa hàng hành nghề gội đầu, cắt tóc, tại phố T, thị trấn V, huyện V (nay là thôn T, xã V), do vậy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; Điều 322 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phạt bổ sung đối với các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước như sau:

[12] Theo các biên bản xác minh của cơ quan cảnh sát điều tra cho thấy đối với bị cáo Nguyễn Thị D thuộc hộ cận nghèo, nhưng có tài sản chung là thửa đất ở, còn trong độ tuổi lao động, tại phiên tòa bị cáo trình bày có thu nhập khoảng

5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Bị cáo Lăng Văn G không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có tài sản chung là quyền sử dụng các thửa đất ở, đất trồng cây và đất nông nghiệp, bị cáo phạm 02 tội, tại phiên tòa bị cáo trình bày có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Nhẽ ra cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng về tội Đánh bạc, 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội Tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên xét về điều kiện cả hai bị cáo, Hội đồng xét xử không phạt bổ sung các bị cáo về tội Đánh bạc, áp dụng hình phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo về tội Tổ chức đánh bạc là 25.000.000 đồng.

[13] Bị cáo Triệu Văn T không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có tài sản chung là quyền sử dụng các thửa đất ở, đất trồng cây và đất nông nghiệp, có thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/1 tháng do vậy cần phạt bổ sung đối với bị cáo 20.000.000 đồng về tội Tổ chức đánh bạc.

[14] Bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Lý Văn T, Nông Đình L đều không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có tài sản chung, riêng có giá trị, nhưng hiện nay còn trong độ tuổi lao động có mức thu nhập trung bình từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bị cáo Nông Thị B không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có tài sản chung là quyền sử dụng các thửa đất ở, đất trồng cây và đất nông nghiệp, thu nhập trung bình 2.000.000 đồng. Phạm Văn T theo biên bản xác minh và tại phiên tòa bị cáo cho biết đăng ký tạm trú từ năm 2018 tại thôn C, xã Y, hiện nay bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có tài sản riêng, có tài sản chung là nhà ở, thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/tháng. Triệu Văn T thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản chung, riêng có giá trị, hiện nay trong độ tuổi lao động, có mức thu nhập 5.000.000 đồng/1 tháng, do vậy cần phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị B đã bị phạt tiền là hình phạt chính nên không phạt bổ sung.

[15] Vật chứng của vụ án: Đối với số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người của các bị cáo được tổng số tiền là 31.756.000 đồng, do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếu nhựa màu xanh - nâu, kích thước 2,0m x 1,6m; 01 chiếu cói màu đỏ - nâu, kích thước 2,0m x 1,5m; 01 tấm vải đệm màu nâu, kích thước 1,8m x 1,55m là công cụ, phương tiện do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 12K7 - 0216, nhãn hiệu Honda wave, màu sơn đỏ - bạc, số máy: HC12E1640232, số khung: RLHHC12069Y084739 của Nguyễn Thị D; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12T1-7629, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen đỏ của Lăng Văn G dùng để chở các bị cáo Triệu Văn T, Lý Văn T, Trần Thị B đến địa điểm đánh bạc; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12Z1 - 057.88, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen của Nông Thị B chở Phạm Văn T cùng đi đến nơi đánh bạc; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12K4 - 1254, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ của Hoàng Văn T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12UA - 036.16, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen của Nông Văn T, các bị cáo sử dụng đi đến nơi đánh bạc, nay các bị cáo và những người có quyền lợi liên quan là Linh Văn H, Bành Văn H,

Hoàng Trung L, Đỗ Thị T, bà Chu Thị V đều trình bày là tài sản chung của gia đình, đề nghị trả lại nên được chấp nhận.

[17] Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 12, màu đen, số IMEI1: 863138076617244, số IMEI2: 863138076617251 Thu giữ của Nông Đình L; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO I12S, màu đen, số IMEI1: 865652057004998, số IMEI2: 865652057004980 thu giữ của Nông Thị B; Thu 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355696074930232 giữ của Lý Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số IMEI: 3533200776567838 Thu giữ của Triệu Văn T; 01 điện thoại di động, loại máy bàn phím bấm, nhãn hiệu Masstel, màu đen thu giữ của Lăng Văn G; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu xanh, số IMEI1: 353722795617879, số IMEI2: 353722795617871; Thu giữ của Nguyễn Thị D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7 Z, màu đen, số IMEI1: 869447053896950, số IMEI2: 869447053896943; Thu giữ của Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh dương, số IMEI1: 861428051063916, số IMEI2: 861428051063908 do các bị cáo sử dụng liên lạc cho các đối tượng liên quan việc đánh bạc, do vậy tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[18] Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO V23E, màu đen, số IMEI1: 867253059799517, số IMEI2: 867253059799509 thu giữ của Trần Thị B; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số IMEI1: 354650134667041, số IMEI2: 354650134667046 thu giữ của Phạm Văn T, quá trình điều tra không phát hiện có cuộc gọi liên quan việc đánh bạc, nên các bị cáo yêu cầu trả lại là có căn cứ. Các bị cáo Nguyễn Thị D, Nông Văn T, Hoàng Văn T, Triệu Văn T xin trả lại điện thoại. Căn cứ biên bản kiểm tra điện thoại ngày 14/4/2025, 24/4/2025 phát hiện có cuộc gọi cho các đối tượng cùng tham gia đánh bạc, hơn nữa quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận sử dụng vào việc liên lạc gọi người đánh bạc, do vậy các bị cáo yêu cầu trả lại không được chấp nhận.

[19] Đối với 09 bộ bài của bị cáo Nguyễn Thị D để trong nhà Triệu Văn T trước khi đánh bạc, quá trình bắt quả tang không phát hiện nên không thu giữ; đối với chiếc điện thoại của Triệu Văn T ngày 13/4/2025 có sử dụng nghe cuộc gọi đến của Lăng Văn G hỏi mượn địa điểm đánh bạc, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đi rừng đã làm mất, Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm ngày 15/4/2025 nhưng không thấy, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[20] Đối với Hoàng Đức M là người lái xe gia đình (nếu có ai gọi thuê xe thì đi chở khách kiếm thêm thu nhập) sau khi nghe Triệu Văn T gọi chở khách lên xã Y thì Hoàng Đức M đồng ý, trong quá trình di chuyển từ nơi đón khách đến Trường Trung học cơ sở Y không ai nói về việc đánh bạc và Hoàng Đức M không biết những người trên xe đi đánh bạc, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý.

[21] Án phí: Đối với Nguyễn Thị D, Triệu Văn T thuộc hộ cận nghèo xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12. Các bị cáo khác bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[22] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo và các vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[23] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, khoản 1 Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G.

Áp dụng khoản điểm c, khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị B, Triệu Văn T;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Nông Đình L, Lý Văn T;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị B.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc; Bị cáo Triệu Văn T phạm tội Tổ chức đánh bạc; Các bị cáo Lý Văn T, Hoàng Văn T, Trần Thị B, Nông Đình L, Nông Văn T, Phạm Văn T, Nông Thị B, Triệu Văn T phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính.

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 năm 02 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; 08 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo 01 năm 10 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam là 01 tháng 28 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 08 tháng 02 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Lăng Văn G 01 năm 01 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; từ 07 tháng về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm 08 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam là 01 tháng 28 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 06 tháng 02 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.5. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.6. Xử phạt bị cáo Nông Thị B 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.7. Xử phạt bị cáo Nông Đình L 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.8. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.9. Xử phạt bị cáo Lý Văn T 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2.10. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ.

Được trừ đi số ngày bị tạm giam là 01 tháng 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 03 tháng 24 ngày), bị cáo còn phải chấp hành là 11 tháng 06 ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Giao bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.11. Xử phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị B 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Phạt bổ sung phạt tiền để sung ngân sách Nhà nước:

3.1. Phạt bị cáo Nguyễn Thị D và Lăng Văn G mỗi bị cáo là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) về tội Tổ chức đánh bạc. Không phạt bổ sung về tội Đánh bạc đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Lăng Văn G.

3.2. Phạt bị cáo Triệu Văn T 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*) về tội Tổ chức đánh bạc.

3.3. Phạt các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Nông Đình L, Nông Thị B, Phạm Văn T, Triệu Văn T, Lý Văn T mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) về tội Đánh bạc.

4. Xử lý vật chứng

4.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 31.756.000 đồng (*Ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng*), trong đó 20.906.000 đồng thu trên chiếu bạc; 280.000 đồng thu giữ của Lăng Văn G; 8.170.000 đồng thu giữ của Nông Văn T; 2.400.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn T. (*Số tiền trên được gửi tại tài khoản 3949.0.01054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VI – Phòng nghiệp vụ 2*)

4.2. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếc nhựa màu xanh - nâu, kích thước 2,0m x 1,6m; 01 chiếc cối màu đỏ - nâu, kích thước 2,0m x 1,5m; 01 tấm vải đệm màu nâu, kích thước 1,8m x 1,55m.

4.3. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nông Đình L 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 12, màu đen, số IMEI1: 863138076617244, số IMEI2: 863138076617251; Của bị cáo Nông Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO I12S, màu đen, số IMEI1: 865652057004998, số IMEI2: 865652057004980. Của bị cáo Lý Văn T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355696074930232; Của bị cáo Triệu Văn T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số IMEI: 3533200776567838. Của bị cáo Lăng Văn G 01 điện thoại di động, loại máy bàn phím bấm, nhãn hiệu

Masstel, màu đen; Cửa bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu xanh, số IMEI1: 353722795617879, số IMEI2: 353722795617871; Cửa bị cáo Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO RENO 7 Z, màu đen, số IMEI1: 869447053896950, số IMEI2: 869447053896943; Cửa bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y21, màu xanh dương, số IMEI1: 861428051063916, số IMEI2: 861428051063908. Đều được dùng liên lạc cho việc phạm tội.

4.4. Trả lại cho bị cáo Trần Thị B 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO V23E, màu đen, số IMEI1: 867253059799517, số IMEI2: 867253059799509; bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung galaxy A23, màu đen, số IMEI1: 354650134667041, số IMEI2: 354650134667046.

4.5. Trả lại cho ông Bành Văn H (chồng bị cáo Nông Thị B) 01 xe mô tô BKS 12Z1 - 057.88, nhãn hiệu Honda, màu sơn: xanh đen, số máy: JA8E0388378, số khung: RLHJA38YQGY177904.

4.6. Trả lại cho bà Đỗ Thị T (vợ bị cáo Lăng Văn G) 01 xe mô tô BKS 12T1-7629, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen đỏ, số máy: JC43E6281594, số khung: RLHJA38YQGY177904.

4.7. Trả lại cho bà Chu Thị V (vợ bị cáo Nông Văn T) 01 xe mô tô BKS 12UA - 036.16, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen, số máy: JK14E0430760, số khung: 4329BY34227.

4.8. Trả lại cho Linh Văn H (chồng của bị cáo Nguyễn Thị D) 01 xe mô tô BKS 12K7 - 0216, nhãn hiệu Honda wave, màu sơn đỏ - bạc, số máy: HC12E1640232, số khung: RLHHC12069Y084739;

4.9. Trả lại cho Hoàng Trung L (em trai của bị cáo Hoàng Văn T) 01 xe mô tô BKS 12K4 - 1254, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ, số máy: 5C63004346, số khung: RLCS5C6307Y004346.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/6/2025)

5. Án phí: Các bị cáo Lăng Văn G, Triệu Văn T, Lý Văn T, Hoàng Văn T, Trần Thị B, Nông Đình L, Nông Văn T, Phạm Văn T, Nông Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Nguyễn Thị D, Triệu Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV3- Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- CQ THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV3- tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người có QL&NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước

